

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH (PCI) CỦA TỈNH PHÚ YÊN

Mạnh Đào Tuấn*

Tóm tắt

Phú Yên là một tỉnh thuộc khu vực Nam Trung bộ có rất nhiều tiềm năng trong phát triển kinh tế và thu hút vốn đầu tư. Phú Yên có vị trí địa lý thuận lợi nằm trên trục giao thông chính Bắc Nam, có bờ biển dài nhiều đầm, vịnh đẹp thuận tiện cho phát triển kinh tế biển, có nguồn tài nguyên đất đai và lao động dồi dào. Tuy nhiên môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh của tỉnh vẫn còn nhiều điều cần cải thiện hơn nữa. Bài viết này dựa trên các Báo cáo nghiên cứu về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Phú Yên, phân tích rõ hơn về các chỉ số thành phần này và đưa ra một số giải pháp để nâng cao chỉ số PCI của tỉnh Phú Yên trong những năm đến.

Từ khoá: PCI, chỉ số thành phần, Phú Yên, năng lực cạnh tranh, doanh nghiệp

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và Dự án nâng cao sáng kiến cạnh tranh Việt Nam (VCCI) từ năm 2006 đến năm 2011 có các Báo cáo nghiên cứu về *Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam (PCI)*. Kết quả đánh giá xếp hạng PCI của VCCI hàng năm cho thấy Phú Yên chưa phải là địa phương có PCI cao. Chính vì vậy vấn đề đặt ra là cần phải nỗ lực cải cách hơn nữa để có thể nâng cao chỉ số PCI tỉnh Phú Yên trở về nhóm khá của cả nước cũng như trong vùng. Trước hết cần phân tích rõ các chỉ số thành phần của tỉnh Phú Yên để từ đó đưa ra những giải pháp cụ thể.

2. THỰC TRẠNG VỀ PCI CỦA TỈNH PHÚ YÊN

Chỉ số PCI của Phú Yên sau khi bị sụt giảm vào năm 2008 so với năm 2007 và 2006 đã duy trì được xu hướng cải thiện, cụ thể năm 2009 tăng 3,53 điểm, năm 2010 tăng 3,41 điểm, đưa tổng điểm PCI của Phú Yên lên 58,18 điểm, là điểm số cao nhất trong vòng 6 năm xếp hạng. Nhưng đến năm 2011, PCI của tỉnh Phú Yên lại giảm 3,02 điểm, trong khi điểm số của các tỉnh ngày càng cải thiện, nên thứ hạng của PCI tỉnh Phú Yên giảm mạnh từ vị trí 31 xuống vị trí thứ 50 trên 63 tỉnh thành (Bảng 1). Đối với các tỉnh trong vùng Duyên hải Nam Trung bộ theo như báo cáo của PCI 2011 bao gồm 12 tỉnh. Đây là vùng có sự tập trung nhiều tỉnh có thứ hạng PCI khá trên cả nước. Tuy nhiên so sánh với các tỉnh trong vùng, PCI Phú Yên chỉ ở mức trung bình đến tương đối khá. Riêng năm 2011 Phú Yên tụt xuống vị trí thấp nhất trong vùng, xếp 12/12 tỉnh thành.

* ThS, Ban Tổ chức Thành ủy Tuy Hòa, Phú Yên

Bảng 1: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Phú Yên giai đoạn 2006-2011

Chỉ tiêu	2006	2007	2008	2009	2010	2011
Điểm số PCI Phú Yên	54,93	57,87	51,24	54,77	58,18	55,15
Điểm số PCI thấp nhất	36,76	37,96	36,39	45,43	48,91	50,98
Điểm số PCI cao nhất	76,23	77,2	72,18	75,96	69,77	75,53
Điểm số PCI trung vị	52,21	55,56	53,51	58,31	58,02	59,43
Thứ hạng	21	23	39	49	31	50
Nhóm điều hành	Khá	Khá	Tr.bình	Khá	Khá	Khá

Nguồn: Tổng hợp từ [1]

Chỉ số PCI bao gồm 9 chỉ số thành phần (Bảng 2). Mỗi chỉ số thành phần được xây dựng từ một hay nhiều chỉ tiêu khác nhau và mỗi chỉ số được gán trọng số tương ứng với mức độ quan trọng của chỉ số đó.

Bảng 2: Thay đổi điểm số của các chỉ số thành phần PCI Phú Yên (2006-2011)

Các chỉ số thành phần	2006	2007	2008	2009	2010	2011
Chi phí gia nhập thị trường	8,83	7,56	9,00	8,52	7,27	7,95
Tiếp cận đất đai	7,03	6,82	6,95	6,70	6,20	7,77
Tính minh bạch và trách nhiệm	6,09	5,71	5,92	5,26	5,65	5,67
Chi phí về thời gian	2,64	5,20	4,49	5,45	5,49	6,07
Chi phí không chính thức	5,35	6,72	5,73	5,41	6,17	5,88
Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh	5,09	5,03	4,01	3,23	5,42	4,41
Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh				4,57	6,55	2,8
Đào tạo lao động	5,44	5,96	6,02	5,02	5,83	4,58
Thiết chế pháp lý	3,73	5,05	2,64	6,48	3,50	3,68

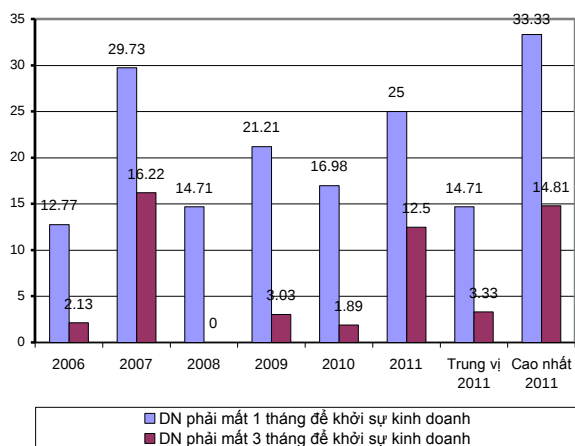
Nguồn: Tổng hợp từ [1]

2.1. Chỉ số chi phí gia nhập thị trường:

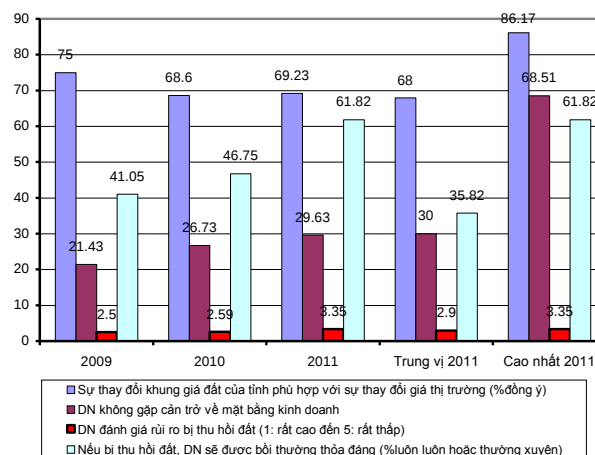
Chỉ số gia nhập thị trường của Phú Yên qua các năm 2006-2011 có vị trí tương đối nhưng lại có xu thế thay đổi về điểm số không ổn định (Bảng 2). Trong khi đó các tỉnh đều ngày càng cải thiện về chỉ số này thì Phú Yên vẫn tăng giảm không ổn định và không cải thiện nhiều, vì vậy năm 2011 đạt 7,95 điểm đứng vị trí thứ 55/63 tỉnh thành.

Nguyên nhân là do sự gia tăng của các chỉ tiêu: Chỉ tiêu tỷ lệ doanh nghiệp phải mất hơn 1 tháng để khởi sự kinh doanh; chỉ tiêu tỷ lệ doanh nghiệp phải mất hơn 3 tháng để khởi sự kinh doanh (Hình 1). Chỉ tiêu thời gian đăng ký lại năm 2010 giảm xuống còn 3 ngày, nhưng năm 2011 lại tăng lên 7 ngày. Chỉ tiêu thời gian chờ đợi thực sự để được cấp đất từ 120 ngày năm 2006 giảm xuống còn 60 ngày trong 2 năm 2007, 2008, sau đó tiếp tục giảm xuống còn 52,5 ngày 2009, năm 2010 giảm còn 30 ngày, nhưng năm 2011 lại tăng lên 60 ngày.

Các chỉ tiêu cải thiện tích cực gồm: Chỉ tiêu thời gian trung bình để doanh nghiệp đăng ký kinh doanh đã giảm từ 14,64 ngày từ 2006 xuống còn 7 ngày năm 2010 và 2011. Chỉ tiêu tỷ lệ doanh nghiệp phải chờ thêm giấy phép kinh doanh khác là chỉ tiêu mới được áp dụng từ năm 2010, qua 2 năm tỷ lệ này đã giảm xuống từ 19,23% năm 2010 xuống còn 8,7% năm 2011.



Hình 1: Một số chỉ tiêu thành phần của chỉ số gia nhập thị trường Phú Yên (nguồn: Tổng hợp từ [1])



Hình 2: Một số chỉ tiêu thành phần của chỉ số tiếp cận đất đai của Phú Yên (nguồn: Tổng hợp từ [1])

2.2 Chỉ số tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất:

Chỉ số tiếp cận đất đai kể từ năm 2006-2010 của Phú Yên có xu hướng giảm về điểm số và thứ hạng, đến năm 2011 chỉ số này của Phú Yên có bước cải thiện đứng thứ 4/63 tỉnh thành với 7,77 điểm (Bảng 2).

Tuy nhiên qua một số chỉ tiêu của chỉ số tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất cho thấy Phú Yên cũng cần nỗ lực nhiều hơn để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp. Tỷ lệ doanh nghiệp có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đang trong quá trình chờ nhận mặc dù đã có sự cải thiện vào 2 năm 2007 và 2008, nhưng đến 2 năm 2009 và 2010 tỷ lệ này giảm dần, đến năm 2011 đã có dấu hiệu phục hồi trở lại và đang ở vị trí trung vị của cả nước.

Theo Hình 2 ta thấy một số chỉ tiêu năm 2011 có dấu hiệu tích cực như: tỷ lệ phần trăm đồng ý với sự thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường; chỉ tiêu doanh nghiệp không gặp cản trở về mặt bằng kinh doanh; chỉ tiêu doanh nghiệp đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1: rất cao đến 5: rất thấp) năm 2011 đạt điểm số 3,35 là điểm số cao nhất trong các tỉnh, thành trong cả nước; chỉ tiêu nếu bị thu hồi đất, doanh nghiệp sẽ được bồi thường thỏa đáng năm 2011 đứng vị trí 1/63 tỉnh thành (Hình 2).

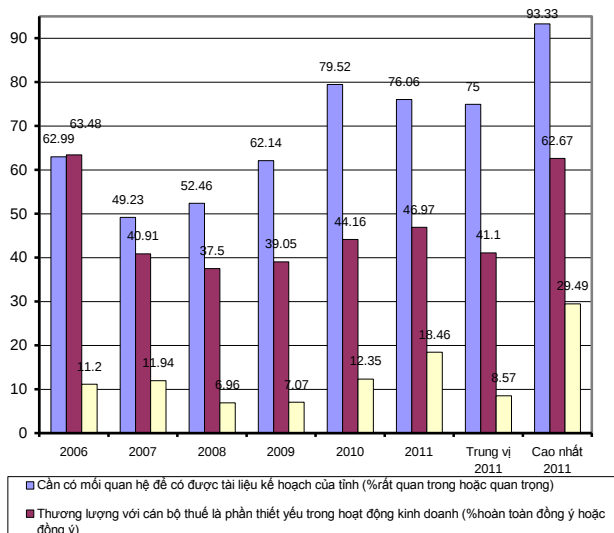
2.3. Chỉ số tính minh bạch và tiếp cận thông tin

Chỉ số tính minh bạch và tiếp cận thông tin của Phú Yên trong 6 năm qua có sự thay đổi về điểm số không ổn định (Bảng 2).

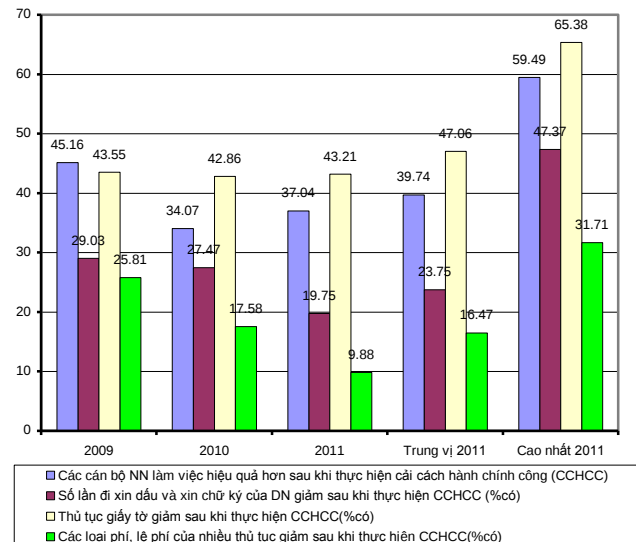
Khảo sát PCI trong những năm qua cho thấy nhiều doanh nghiệp của Phú Yên

cho biết khi cần tiếp cận các thông tin quy hoạch, họ sẽ sử dụng các mối quan hệ cá nhân, thay vì các kênh chính thức. Cụ thể các chỉ tiêu có sự gia tăng như: Tỷ lệ các doanh nghiệp được khảo sát đồng ý cho rằng cần có mối quan hệ để có được tài liệu kế hoạch của tỉnh; chỉ tiêu tỷ lệ doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng việc thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh (Hình 3). Chỉ tiêu vai trò của Hiệp hội Doanh nghiệp trong tư vấn và phản biện các chính sách của tỉnh cũng không được đánh giá cao với năm 2009 là 32,43%, năm 2010 giảm còn 15,15%, đến năm 2011 tăng lại nhưng chỉ với 22,22% trong khi tỷ lệ trung vị là 31,25%.

Một số chỉ tiêu có cải thiện như: Khả năng có thể dự đoán được trong thực thi pháp luật của tỉnh đã tăng trong các năm gần đây (Hình 3). Chỉ tiêu tính minh bạch các tài liệu kế hoạch của Phú Yên năm 2011 cũng đã tăng so với năm 2010 từ 2,54 điểm lên 2,65 điểm, tuy nhiên do các tỉnh đều tăng nên chỉ tiêu này từ vị trí thứ 3/63 năm 2010 xuống vị trí 13/63 tỉnh thành năm 2011. Chỉ tiêu tính minh bạch của các quyết định nghị quyết cũng giảm từ vị trí thứ 2/63 năm 2010 xuống vị trí thứ 10/63 tỉnh thành năm 2011.



Hình 3: Một số chỉ tiêu thành phần của chỉ số tính minh bạch tỉnh Phú Yên (nguồn: Tổng hợp từ [1])



Hình 4: Một số chỉ tiêu thành phần của Chỉ số chi phí thời gian tỉnh Phú Yên (nguồn: Tổng hợp từ [1])

2.4. Chỉ số chi phí thời gian và tuân thủ các quy định pháp luật

Chỉ số chi phí thời gian và tuân thủ các quy định pháp luật của Phú Yên có sự gia tăng tương đối ổn định qua các năm xếp hạng (Bảng 2). Tuy nhiên năm 2011 đạt được điểm số cao nhất nhưng so với cả nước chỉ xếp hạng 45/63 tỉnh.

Một số chỉ tiêu liên quan đến chi phí thời gian và tuân thủ quy định pháp luật của doanh nghiệp có sự cải thiện như: Số cuộc thanh tra trung vị (tất cả các cơ quan) đối với doanh nghiệp đã giảm từ 2 cuộc năm 2009 xuống 1 cuộc vào năm 2010 và 2011. Số giờ trung vị làm việc với thanh tra thuế cũng giảm đáng kể: năm 2011(8 giờ); năm 2010 (5,25 giờ); năm 2009 (16 giờ); năm 2008 (22 giờ). Tuy nhiên so với 1 giờ

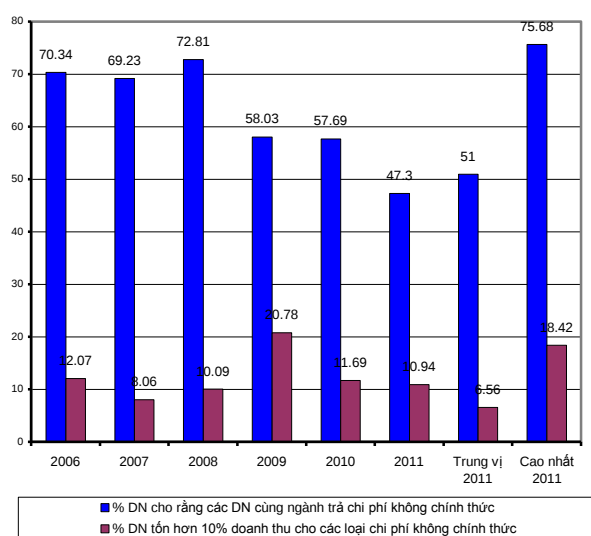
của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thì chỉ tiêu này của Phú Yên còn cao. Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hơn 10% quỹ thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước năm 2009 (20,8%), năm 2010 tăng lên 21,95 %; năm 2011 giảm còn 15,6%.

Một số chỉ tiêu cần nhiều nỗ lực để cải thiện như: chỉ tiêu đánh giá của doanh nghiệp được khảo sát về tỷ lệ cán bộ nhà nước làm việc hiệu quả hơn sau khi thực hiện cải cách hành chính công (*năm 2011 xếp 43/63 tỉnh thành*); tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý rằng số lần đi xin dấu và xin chữ ký của doanh nghiệp; tỷ lệ doanh nghiệp được khảo sát cho rằng thủ tục giấy tờ giảm sau khi thực hiện cải cách hành chính công (CCHCC) (*năm 2011, xếp 45/63 tỉnh thành*); tỷ lệ phí, lệ phí của nhiều thủ tục giảm sau khi thực hiện CCHCC (*năm 2011 xếp vị trí 59/63 tỉnh thành*) (Hình 4). Điều này cho thấy những CCHCC của tỉnh vẫn chưa tạo được cảm nhận tích cực từ phía cộng đồng doanh nghiệp.

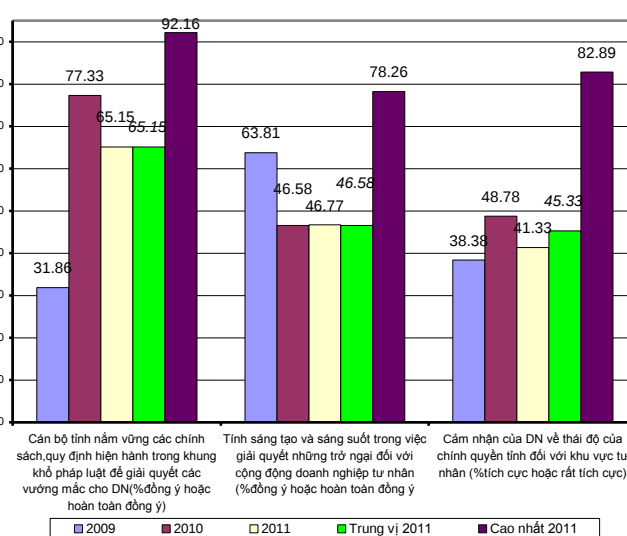
2.5. Chi phí không chính thức:

Chỉ số chi phí không chính thức của Phú Yên có điểm số đạt được không ổn định qua các năm và rơi vào nhóm thấp năm 2011 (Bảng 2). Mặc dù năm 2009, 2010 có sự cải thiện nhưng năm 2011 lại sụt giảm về điểm số và thứ hạng, một phần là do các tỉnh đều cải thiện nhiều về điểm số này.

Năm 2011 một số chỉ tiêu đã có xu hướng giảm dần so với các năm trước như: Tỷ lệ cho rằng doanh nghiệp cùng ngành trả chi phí không chính thức; tỷ lệ doanh nghiệp tốn hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức (Hình 5). Một số chỉ tiêu có xu hướng tăng như: năm 2011 có tới 56,06% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý rằng chính quyền tỉnh sử dụng các quy định của địa phương để trục lợi, năm 2010 là 52,63%, 2009 là 50,49%, 2008 là 42,25%. Tỷ lệ doanh nghiệp trả chi phí không chính thức khi đăng ký kinh doanh năm 2011 đã tăng lên 33,38% xếp vị trí 46/63 so với năm 2010 là 17,22% xếp 22/63 tỉnh thành.



Hình 5: Một số chỉ tiêu thành phần của chỉ số chi phí không chính thức.(nguồn: Tổng hợp từ [1])



Hình 6: Một số chỉ tiêu thành phần của chỉ số tính năng động tỉnh Phú Yên(nguồn: Tổng hợp từ [1])

2.6. Chỉ số tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh:

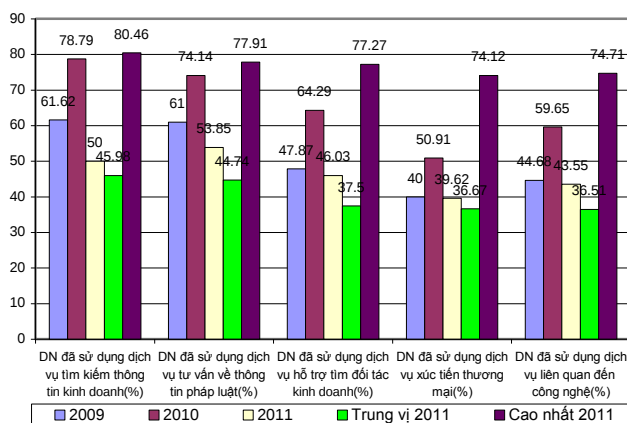
Chỉ số này giảm dần từ năm 2006-2009, đến năm 2010 chỉ số này tăng lên, nhưng đến năm 2011 lại có dấu hiệu giảm xuống, xếp vị trí thứ 38/63 tỉnh thành (Bảng 2).

Chỉ tiêu cán bộ tỉnh nắm vững các chính sách, quy định hiện hành trong khuôn khổ pháp luật để giải quyết khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp năm 2011 đứng ở vị trí trung vị với 65,15% tăng so với năm 2009, nhưng giảm so với 2010. Chỉ tiêu tính sáng tạo và sáng suốt trong việc giải quyết những trở ngại đối với cộng đồng doanh nghiệp tư nhân năm 2010 và 2011 giảm so với năm 2009 và đều đứng xấp xỉ ở chỉ số trung vị. Chỉ tiêu cảm nhận của doanh nghiệp về thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân qua 2 năm 2010, 2011 đều tăng hơn so với năm 2009, nhưng năm 2011 lại có dấu hiệu giảm so với 2010 và đứng ở dưới vị trí trung vị.

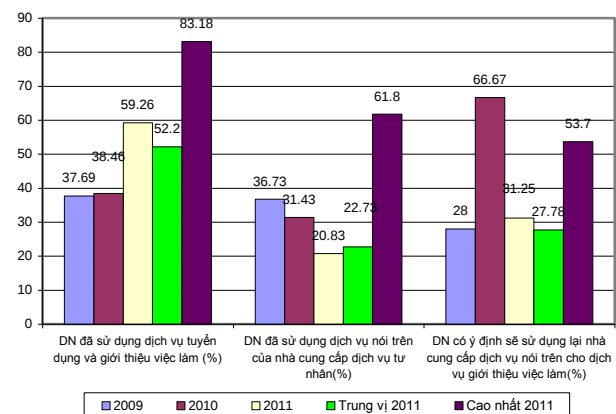
2.7. Chỉ tiêu dịch vụ hỗ trợ kinh doanh

Đây là chỉ số mới bắt đầu xếp hạng từ năm 2009. Tuy nhiên có sự không ổn định và năm 2011 tụt xuống vị trí 53/63 tỉnh thành (Bảng 2).

Các chỉ tiêu cần cải thiện như: tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin kinh doanh; tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ tư vấn về thông tin pháp luật; tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm đối tác kinh doanh; tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại; tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ liên quan đến công nghệ. Các chỉ tiêu này đều giảm so với các năm 2010, 2009 (Hình 7).



Hình 7: Một số chỉ tiêu thành phần của chỉ số dịch vụ hỗ trợ kinh doanh (nguồn: Tổng hợp từ [1])



Hình 8: Một số chỉ tiêu thành phần của chỉ số đào tạo lao động (nguồn: Tổng hợp từ [1])

Một số chỉ tiêu gia tăng cho thấy doanh nghiệp đã tiếp cận nhiều hơn so với các nhà cung cấp dịch vụ tư nhân như: tỷ lệ doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm thông tin kinh doanh; tỷ lệ doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tư vấn về thông tin pháp luật; tỷ lệ doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ hỗ trợ tìm đối tác kinh doanh; tỷ

lệ doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho các dịch vụ liên quan đến công nghệ. Tuy nhiên chất lượng dịch vụ do tư nhân cung cấp cũng cần phải xem xét, bởi năm 2011 ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp đã giảm so với năm 2010.

2.8. Chỉ số đào tạo lao động:

Chỉ số đào tạo lao động trong 6 năm qua có sự thay đổi về điểm số không ổn định (Bảng 2).

Một số dịch vụ liên quan tới đào tạo lao động do cơ quan nhà nước cung cấp tại Phú Yên còn tương đối hạn chế về chất lượng. Mặc dù năm 2011 tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá tốt hoặc rất tốt dịch vụ do cơ quan nhà nước tại Phú Yên cung cấp đối với giáo dục phổ thông đạt 53,03% và dạy nghề đạt 36,36% tăng so với các năm 2010, 2009, 2008 nhưng vẫn thấp so với năm 2006, 2007 và so với cả nước. Tỷ lệ doanh nghiệp được khảo sát hài lòng với chất lượng lao động tại tỉnh Phú Yên có sự sụt giảm. Về chỉ tiêu doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ tuyển dụng và giới thiệu việc làm năm 2011 đã tăng cao hơn so với các năm 2010, 2009. Tuy nhiên chỉ tiêu doanh nghiệp đã sử dụng các dịch vụ này của nhà cung cấp tư nhân và chỉ tiêu doanh nghiệp có ý định sẽ sử dụng lại nhà cung cấp dịch vụ này lại giảm so với năm 2010 (Hình 8).

2.9. Chỉ số thiết chế pháp lý:

Chỉ số thiết chế pháp lý của tỉnh có điểm số đạt được không ổn định qua các năm và kể từ năm 2010 và 2011 rơi vào nhóm thấp cuối bảng xếp hạng (Bảng 2).

Các chỉ tiêu của chỉ số thiết chế pháp lý tỉnh Phú Yên giảm sút đáng kể từ năm 2006 đến năm 2011 phản ánh xu thế tương đối lo ngại của các doanh nghiệp đối với việc bảo vệ hợp đồng và quyền tài sản của họ. Năm 2006 có tới 86,73% doanh nghiệp được khảo sát tin rằng hệ thống pháp lý sẽ bảo vệ hợp đồng và quyền tài sản của họ, kể từ năm 2007 đến 2010 chỉ tiêu này giảm liên tục, năm 2010 còn 63,74%. Năm 2011 chỉ tiêu này gia tăng trở lại đạt 76,19 %. Về chỉ tiêu hệ thống pháp lý tạo ra cơ chế để doanh nghiệp có thể khởi kiện hành vi tham nhũng của cán bộ công quyền gia tăng qua các năm 2008, 2009, 2010. Năm 2011 đạt tỷ lệ cao nhất qua các năm với 38,18% xếp vị trí 27/63 tỉnh thành.

Chỉ tiêu tỷ lệ sử dụng thiết chế pháp lý để giải quyết tranh chấp của doanh nghiệp giảm mạnh từ 71,93% năm 2006 xuống 8,33% năm 2009, năm 2010 tăng nhẹ lên 25%, nhưng đến năm 2011 lại hạ xuống 16,67%. Đây là một chỉ tiêu đáng lo ngại vì chỉ có 16,67% doanh nghiệp sử dụng toà án để giải quyết tranh chấp phát sinh. So với 66,67% của tỉnh cao nhất là Kon-Tum thì chỉ tiêu này của Phú Yên là rất thấp.

3. NGUYÊN NHÂN KHÁCH QUAN VÀ CHỦ QUAN

3.1 Nguyên nhân chủ quan:

Có thể thấy môi trường đầu tư cạnh tranh của Phú Yên vẫn còn nhiều hạn chế và khó khăn, đó là: Tính công khai và minh bạch của môi trường kinh doanh còn hạn chế, doanh nghiệp và nhà đầu tư gặp nhiều khó khăn tiếp cận các thông tin phục vụ

hoạt động sản xuất kinh doanh; doanh nghiệp ngày càng khó tiếp cận đất đai và chịu rủi ro về mặt bằng kinh doanh; chi phí gia nhập thị trường có xu hướng tăng; sự miễn cưỡng và tính chuyên nghiệp của đội ngũ công chức nhà nước cấp tỉnh chưa cao; chính sách đào tạo lao động của tỉnh còn nhiều hạn chế, chưa tạo được đội ngũ lao động đông đảo có chất lượng cao; hệ thống toà án và cơ quan giải quyết khiếu nại hành chính của tỉnh giúp doanh nghiệp giải quyết tranh chấp chưa hiệu quả [3].

3.2 Nguyên nhân khách quan:

Sự cạnh tranh về chỉ số PCI ngày càng khốc liệt, bởi các tỉnh thành trên cả nước ngày càng ý thức rõ được tầm quan trọng, tính cấp thiết của chỉ số PCI, coi việc nâng cao chỉ số PCI là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Chính vì thế trong những năm gần đây các tỉnh đều có sự gia tăng về điểm số, tập trung vào nhóm có điểm số cao. Trong khi đó PCI của tỉnh Phú Yên vẫn chưa cải thiện, không ổn định cho nên dẫn đến sự tụt hạng.

Bên cạnh đó UBND tỉnh đã thu hồi một số dự án lớn và một số dự án khác chậm triển khai cũng dẫn đến cảm nhận về môi trường đầu tư, kinh doanh tại Phú Yên của các doanh nghiệp có giảm sút, điều này cũng ảnh hưởng đến việc đánh giá chỉ số PCI của tỉnh Phú Yên.

4. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH CỦA TỈNH PHÚ YÊN GIAI ĐOẠN 2012-2020

Ngày 27/7/2011 UBND tỉnh Phú Yên đã đề ra chương trình hành động số 02/CTr-UBND về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao chỉ số PCI của tỉnh Phú Yên với mục tiêu cải thiện chỉ số PCI của tỉnh, phấn đấu đến năm 2015 nằm trong tốp dẫn đầu của 10 tỉnh thành cả nước. Tuy nhiên theo tác giả để thực hiện tốt mục tiêu này cần phải thực hiện tốt các giải pháp cụ thể sau:

4.1. Giải pháp đối với yếu tố con người:

-Sở Nội vụ thực hiện các chương trình đào tạo cán bộ công chức, viên chức về việc xử lý các thủ tục hành chính, kỹ năng giao tiếp... cũng như cập nhật các kiến thức chuyên môn nhằm nâng cao năng lực cán bộ để thực hiện tốt nhiệm vụ của các cơ quan công quyền. Chuẩn hóa đội ngũ CBCC về trình độ, nhận thức và kỹ năng để đáp ứng nhu cầu công việc trong hướng dẫn, xử lý hồ sơ cho người dân. Có cơ chế nâng cao thu nhập cho cán bộ công chức, đảm bảo đời sống ổn định và yên tâm công tác.

-Cần quảng bá để nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, doanh nghiệp và cả người dân về sự cần thiết, tầm quan trọng của chỉ số PCI. Để từ đó có sự nỗ lực cộng hưởng, cũng như đánh giá khách quan trong việc xây dựng chỉ số PCI của tỉnh Phú Yên.

-Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành thời gian làm việc hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh, phát hiện vi phạm và có biện pháp xử lý thích đáng; đồng thời khen thưởng những tập thể, cá nhân chấp hành, thực hiện nghiêm túc kỷ luật lao động, làm việc có năng suất, chất lượng, đạt hiệu quả cao.

4.2. Giải pháp đối với yếu tố cơ chế:

-Xây dựng cơ chế hài hoà các thủ tục về đầu tư-xây dựng-đất đai theo cơ chế liên thông nhằm rút ngắn tối đa thời gian và chi phí, nâng cao tính minh bạch, giảm chi phí không chính thức cho nhà đầu tư. Rút ngắn hơn nữa thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký mới, điều chỉnh Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy Chứng nhận đầu tư, Giấy Chuyển quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất. Giảm thời gian để thực hiện các quy định về thuế, kê khai thuế, quy trình thu nộp thuế, xem xét và ra quyết định về miễn, giảm thuế, hoàn thuế của doanh nghiệp.

- Đồng hành cùng doanh nghiệp, linh hoạt, sáng tạo trong quá trình giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp. Định kỳ tổ chức đối thoại doanh nghiệp (6 tháng một lần); ngành thuế và UBND các huyện, thị, thành phố tổ chức 3 tháng một lần nhằm lắng nghe ý kiến phản ánh của các doanh nghiệp, qua đó xử lý kịp thời những khó khăn vướng mắc trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tổ chức lễ vinh danh cho các doanh nghiệp có thành tích trong quá trình tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời là buổi gặp gỡ trao đổi giữa các cơ quan nhà nước với các doanh nghiệp trên địa bàn [5].

-Kết hợp thanh tra liên ngành, có kế hoạch cụ thể nhằm giảm thời gian thanh tra, kiểm tra có thể ảnh hưởng đến công việc kinh doanh của doanh nghiệp. Chỉ tập trung thanh tra những đối tượng có nghi vấn, đơn thư tố cáo [5]. Tăng cường đối thoại giữa doanh nghiệp-chính quyền (đường dây nóng, định kỳ) gồm đơn vị chủ trì UBND tỉnh và Sở Nội vụ. Tạo điều kiện cho sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình xây dựng chính sách, tham vấn ý kiến các doanh nghiệp đối với những vấn đề, nội dung liên quan đến sự phát triển của doanh nghiệp. Thực hiện công khai, minh bạch các văn bản, chính sách liên quan đến doanh nghiệp.

-Các thông tin về các thủ tục hành chính cần được niêm yết công khai tại bộ phận một cửa nơi tiếp nhận và trao trả hồ sơ, đồng thời trên các trang web của các sở ngành đều công bố các thủ tục hành chính, mẫu biểu chuẩn, các doanh nghiệp có thể chép, điền các thông tin theo yêu cầu mà không cần phải đến liên hệ tại bộ phận một cửa. Áp dụng rộng rãi hình thức đăng ký kinh doanh, đăng ký đầu tư trực tuyến nhằm tạo thuận lợi hơn cho các tổ chức, công dân tại các sở có liên quan nhằm rút ngắn thời gian hoàn thành hồ sơ. Đầu tư thiết bị đồng bộ (đặc biệt là hệ thống mạng và phần mềm) để duy trì sự phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan có liên quan [5].

-Sở Lao động-Thương binh-Xã hội thực hiện khảo sát nghiêm túc, có chất lượng nhằm đánh giá đúng nhu cầu đào tạo nghề hoặc chuyển đổi nghề nghiệp, đảm bảo cung cấp thông tin chính xác và đầy đủ cho quá trình ra quyết định. Công bố công khai các chương trình hỗ trợ đào tạo lao động cho các đơn vị đào tạo và doanh nghiệp biết. Triển khai đề án nâng cấp trung tâm giới thiệu việc làm để có thể sớm triển khai tổ chức sàn giao dịch việc làm. Nâng cao hiệu quả hoạt động của dịch vụ giới thiệu

việc làm, trung tâm giới thiệu việc làm hoặc hội chợ việc làm (hiện nay Phú Yên có 59,62% doanh nghiệp sử dụng dịch vụ tuyển dụng và giới thiệu việc làm). Khuyến khích tăng cường đầu tư tư nhân vào lĩnh vực đào tạo nghề. Bên cạnh đó rà soát, đánh giá đạt chuẩn đối với các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề và các trung tâm dạy nghề cấp huyện, thị, các cơ sở mới thành lập, có giải pháp xử lý các cơ sở dạy nghề yếu kém, không đạt chuẩn và có dấu hiệu vi phạm pháp luật [4].

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp. Có cơ chế giám sát và kiểm tra định kỳ để bảo đảm mọi khiếu kiện đều được ghi nhận và trả lời cho doanh nghiệp; Sở Tư pháp nghiên cứu xây dựng, biên soạn các tài liệu hướng dẫn cần thiết cho doanh nghiệp trong tuân thủ pháp luật và giải quyết tranh chấp. Rà soát các văn bản được ban hành, đảm bảo chất lượng của các văn bản, quy định được ban hành tại tỉnh, tránh quy định kém chất lượng, chồng chéo, mâu thuẫn, lạc hậu; phát triển và xã hội hóa một phần các dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại tỉnh. Khuyến khích mở các văn phòng luật sư và tăng cường dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp; hỗ trợ thành lập trung tâm trọng tài thương mại hoặc cho phép mở các chi nhánh trung tâm trọng tài thương mại trên địa bàn tỉnh, kết hợp với tuyên truyền trong cộng đồng doanh nghiệp về pháp luật trọng tài; phát triển các hình thức giải quyết tranh chấp như hoà giải, trọng tài thương mại trên địa bàn tỉnh, đáp ứng nhu cầu giải quyết tranh chấp nhanh chóng, tiết kiệm và bảo đảm bí mật kinh doanh.

- Tăng cường hơn nữa việc công bố các thông tin về quy hoạch, kế hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của các ngành đối với doanh nghiệp trên các website chuyên ngành. Chuẩn hóa, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng. Công bố các dự án đầu tư, phương án bồi thường trước khi thu hồi đất. Có quy định trình tự thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thời gian hoàn thành các thủ tục. Rà soát, thống kê và thu hồi đất của các dự án không triển khai, giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật. Có biện pháp thúc đẩy các dự án chậm triển khai do lý do khách quan. Đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp không triển khai dự án theo tiến độ thì tạo điều kiện cho chuyển nhượng lại dự án cho nhà đầu tư mới hoặc thu hồi diện tích đất. Có chính sách ưu đãi đặc biệt để khuyến khích doanh nghiệp, nhà đầu tư vào các vùng có diện tích đất lớn nhưng kém về cơ sở hạ tầng (huyện Sông Hinh, Đồng Xuân...). Sở Công thương nghiên cứu đề xuất phát triển thêm các khu, cụm công nghiệp cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Sở Tài nguyên và môi trường nghiên cứu thông lệ tốt tại một số tỉnh trong cả nước và đề xuất mô hình tạo quỹ đất sạch cho nhà đầu tư có thể áp dụng tại Phú Yên.

- Sở Kế hoạch và đầu tư phối hợp với các Sở, ngành liên quan tiếp tục nâng cao năng lực, tính năng động của các trung tâm xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh. Quan tâm hơn nữa đến công tác xúc tiến thương mại, nhất là kinh phí hỗ trợ các DN xuất khẩu quảng bá thương hiệu, củng cố thị trường xuất khẩu vốn có, tìm kiếm

thị trường mới, bán hàng tại các thị trường lớn: EU, Nhật, Mỹ ... Hỗ trợ cho các doanh nghiệp mở rộng và tiêu thụ hàng hóa trên thị trường nội địa nhằm thúc đẩy sản xuất.

4.3. Giải pháp đối với yếu tố vật chất:

-Cần xây dựng chương trình hành động, mục tiêu cụ thể hỗ trợ doanh nghiệp trên cơ sở đề xuất của liên minh các hiệp hội ngành nghề tại tỉnh. Hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, từng bước đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), tiếp tục tháo gỡ khó khăn về vốn, xúc tiến mở rộng thị trường cho các DNNVV. Đẩy mạnh mối liên kết giữa các DNNVV, giữa DNNVV với các doanh nghiệp lớn, hỗ trợ và khuyến khích DNNVV tham gia ngành công nghiệp phụ trợ. Khuyến khích phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, đặc biệt là trong nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích các tổ chức và cá nhân tham gia phát triển kinh tế tập thể và hợp tác xã. Tiếp tục giải quyết vay vốn cho các doanh nghiệp trên địa bàn từ Quỹ Đầu tư phát triển của tỉnh trong đó tập trung ưu tiên cho các doanh nghiệp có giá trị sản xuất công nghiệp và giá trị xuất khẩu lớn, có thị trường và khả năng tăng trưởng cao ๐

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2007), *Báo cáo Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam năm 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011*.
- [2] UBND tỉnh Phú Yên (2011), *Về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của tỉnh Phú Yên*, Chương trình hành động số 02/CTr-UBND ngày 27/7/2011.
- [3] UBND tỉnh Phú Yên (2011), *Về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của tỉnh Phú Yên*, Chương trình hành động số 02/CTr-UBND ngày 27/7/2011.
- [4] UBND tỉnh Thừa Thiên-Huế (2012), *Nâng hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2012*, Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 09/6/2012.
- [5] UBND TP Đà Nẵng (2010), *Báo cáo tham luận tổng hợp đề xuất giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của TP Đà Nẵng*.

Abstract

A research on improving the provincial competitiveness index (PCI) of Phu Yen Province
Phu Yen province, located in the Southern Central Vietnam, with a lot of potential for economic development and foreign investment attraction, has a favorable geographical position on the main North-South transport axis. The province has a long coastline with many lagoons and bays facilitating the economic development in the sea, land resources and abundant labor. However, the business environment and competitiveness of the province still need much improvement. This article is based on the research report on the provincial competitiveness index (PCI), with the author's in-depth analysis of the index components, together with some solutions to improve the PCI of Phu Yen province in the next coming years.

Key words: competitiveness index, business environment